

Bản án số: 24/2018/DS-PT
Ngày: 19- 4 - 2018
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phần.

Ông Nguyễn Hữu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2017/TLPT-DS ngày 07 tháng 11 năm 2017 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản”. Do bản án Dân sự sơ thẩm số: 27/2017/DS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2018/QĐ-PT, ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Huy Nh. Sinh năm 1969. Có mặt.

Trú tại: Xóm 19/5 Tổng đội T, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Nay là Xóm 26/3 xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M - Luật sư Văn phòng luật sư V, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Tổng đội Thanh niên X.

Địa chỉ: Xóm 3/2, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn B - Chức vụ: Tổng đội trưởng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị L. Sinh năm 1970 (Vợ ông Lê Huy Nh)

Địa chỉ : Xóm 19/5, Tổng đội T, xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An.

Nay là Xóm 26/3 xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người được bà Lê Thị L ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Huy Nh.

- Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C.

Địa chỉ: Lô 27, Khu đô thị V, Đại lộ L, TP V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc Th - Chức vụ: Tổng giám đốc (Văn bản ủy quyền số 94/UQ-HĐQT ngày 17/5/2017). Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày như sau: Ngày 17/7/2002 ông Lê Huy Nh có ký hợp đồng số 03/HĐ-TĐ Hợp đồng kinh tế về việc trồng rừng 661 CP với Tổng đội Thanh niên X (TNXP2 - XDKT), đóng tại xóm 19/5 xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An về việc trồng rừng mét; tại Tiểu khu 974, khoảnh 1, lô 2 với diện tích là 8,1 ha, với các nội dung ký kết trong hợp đồng là bên B (ông Lê Huy Nh) nhận khoán trồng rừng mét cho Tổng đội Thanh niên X theo quy trình kỹ thuật thực hiện theo quy định của Tổng đội Thanh niên X, toàn bộ vật tư, giống cây trồng do Tổng đội Thanh niên X cung cấp. Hiệu lực của hợp đồng là 20 năm. Khi được cơ quan có thẩm quyền cho khai thác, thì mỗi bên được hưởng 50% giá trị lâm sản. Ngày 10/3/2011 giữa ông Lê Huy Nh với Tổng đội TNXP2 - XDKT Nghệ An lại tiếp tục ký với nhau Hợp đồng số 19/HĐKT Hợp đồng kinh tế “V/v Giao khoán đất trồng rừng sản xuất ” tại Tiểu khu 974, khoảnh 1 thuộc các lô b, c với tổng diện tích là 9,2 ha. Với thời gian được gia hạn hợp đồng theo chu kỳ là 07 năm.

Năm 2013 Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nghệ An ban hành quyết định số 2953/QĐ.UBND ngày 11/7/2013 Về việc Phê duyệt phương án chuyển giao Tổng đội Thanh niên X vào Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C. Trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng các bên đã tiến hành kiểm đếm, đo đạc diện tích đất bị ảnh hưởng và thỏa thuận với nhau về mức bồi thường. Trong ngày 12/4/2014, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C, đã tiến hành trực tiếp chi trả cho ông Lê Huy Nh số tiền 819.196.000 đồng, tiền bồi thường hoa màu lâm sản trên đất mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C đã thu hồi và giải phóng mặt bằng. Trong số tiền 819.196.000 đồng có số tiền 319.135.000 là tiền Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C bồi thường cho diện tích mét được trồng trên diện tích 8,1 ha theo Hợp đồng số

03/HĐ-KT ngày 17/7/2002. Cùng ngày Tổng đội Thanh niên X đã thu lại trực tiếp của ông Lê Huy Nh số tiền: 159.567.000 đồng. Tổng đội Thanh niên X cho rằng số tiền 159.567.000 đồng, tương ứng với 50% số tiền mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C chi trả cho ông Lê Huy Nh, thuộc tiền chi trả bồi thường hoa màu trên đất theo Hợp đồng số 03 mà Tổng đội đã ký với ông Lê Huy Nh vào ngày 17/7/2002. Nay ông Lê Huy Nh khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Tổng đội TNXP2-XDKT Nghệ An trả lại số tiền trên. Vì số tiền 159.567.000 đồng mà Tổng đội TNXP2 - XDKT Nghệ An đã thu của ông nằm tổng trong số tiền mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C đã chi trả cho ông.

Vì theo Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, thì trường hợp của ông Lê Huy Nh được quyền hưởng lợi toàn bộ số tiền mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C đã chi trả tiền bồi thường cây mét đã trồng. Tổng đội thu lại của ông Lê Huy Nh là sai.

Đại diện bị đơn là Tổng đội Thanh niên X trình bày: Năm 2000 - 2002 Tổng đội Thanh niên X, là chủ rừng, đồng thời là chủ dự án đã ký hợp đồng dân sự hay còn gọi là hợp đồng kinh tế với các đội viên để thực hiện trồng rừng mét theo Chương trình 661, trong đó Tổng đội có ký với ông Lê Huy Nh Hợp đồng số 03 ngày 17/7/2002, tại Tiểu khu 974 với diện tích 8,1 ha, với các nội dung: Các khoản đầu tư về trồng, chăm sóc bảo vệ do Tổng đội đầu tư. Từ năm thứ 3 kể từ khi trồng rừng việc bảo vệ rừng mét do các hộ đội viên chịu trách nhiệm thực hiện, trong hợp đồng cũng đã thống nhất khi được cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện khai thác, mỗi bên được hưởng 50% giá trị lâm sản.

Năm 2013 thực hiện chủ trương của UBND tỉnh Nghệ An về việc thực hiện chuyển giao Tổng đội Thanh niên X vào Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C (Công ty C). Khi Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C tiến hành giải phóng mặt bằng và tiến hành đền bù hoa màu lâm sản trên đất đã giải phóng và Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển C đã chi trả toàn bộ tiền hoa màu lâm sản trên diện tích 8,1 ha theo hợp đồng số 03/HĐ-KT ngày 17/7/2002 cho ông Lê Huy Nh với số tiền: 319.135.000 đồng. Cùng ngày Tổng đội Thanh niên X, đã căn cứ vào Hợp đồng kinh tế số 03 đã ký kết năm 2002 tiến hành thu lại trực tiếp của ông Lê Huy Nh 50% số tiền trong số tiền mà Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C chi trả cho việc bồi thường 8,1 ha rừng mét là 319.135.000 đồng. Số tiền này đã được Tổng đội đã thu trực tiếp từ ông Lê Huy Nh là hoàn toàn tự nguyện trên cơ sở Hợp đồng đã ký kết năm 2001, khi Tổng đội thu đã lập danh sách và lập phiếu thu nhập Quỹ của Tổng đội theo đúng quy định. Tổng đội Thanh niên X đã báo cáo UBND tỉnh Nghệ An xin chủ trương sử dụng số tiền này để sửa chữa các nhà Trạm bảo vệ rừng,

đường giao thông tuần tra bảo vệ rừng và đã được UBND tỉnh Nghệ An chấp thuận tại Công văn số 1095/UBND-NN ngày 02/3/2015.

Nay ông Lê Huy Nh yêu cầu Tổng đội TNXP2 - XDKT Nghệ An trả lại số tiền 159.567.000 đồng, Tổng đội hoàn toàn không nhất trí, việc Tổng đội thu lại số tiền trên là thực hiện theo hợp đồng dân sự đã ký kết với ông Lê Huy Nh vào ngày 17/7/2002. Còn theo nội dung của quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, ông Lê Huy Nh phải là chủ rừng mới được hưởng toàn bộ như quy định của hai văn bản đó, còn trong trường hợp này Tổng đội Thanh niên X mới là chủ rừng và Tổng đội Thanh niên X đã hợp đồng với ông Lê Huy Nh trồng rừng mét và hai bên thỏa thuận, Tổng đội đầu tư giống và kỹ thuật, Tổng đội trả tiền nhân công xử lý thực bì, đào hố và chi phí rào chắn, vận chuyển như nội dung trong hợp đồng và khi hai bên ký kết đã thống nhất là khi khai thác thì mỗi bên được hưởng 50% giá trị lâm sản. Cho nên khi thực hiện chủ trương của Nhà nước về việc chuyển giao Tổng đội vào Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C, Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C tiến hành giải phóng mặt bằng và bồi thường số tiền 319.135.000 đồng, tiền giá trị lâm sản (cây mét) trên đất, cho nên Tổng đội căn cứ vào nội dung hợp đồng đã tiến hành thu lại trực tiếp từ ông Nh số tiền 159.567.000 đồng là hoàn toàn đúng theo quy định. Hiện nay Tổng đội vẫn chưa được chuyển giao vào Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C mà vẫn còn tư cách hoạt động bình thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị L (vợ ông Nh) trình bày như sau: Năm 2001 chồng bà là ông Lê Huy Nh có ký Hợp đồng với Tổng đội Thanh niên X, đóng tại xã Th, huyện Th, tỉnh Nghệ An về việc nhận trồng rừng mét, theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐ – TĐ ngày 17/7/2002, nội dung có trong hợp đồng mà chồng bà đã gửi cho Tòa án. Năm 2013 UBND tỉnh Nghệ An, ban hành quyết định số 2953 về việc chuyển giao đất rừng mà chồng bà đã ký hợp đồng với Tổng đội cho Công ty cổ phần C, trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng, Công ty C đã bồi thường giải phóng mặt bằng cho chồng bà vào ngày 14/4/2014 với số tiền 319.135.000 đồng. Tổng đội thu lại 50% số tiền của chồng bà với số tiền 159.567.000 đồng mà không lập chứng từ hóa đơn gì cả, mà chỉ ký vào sổ tay. Nay ông Nh khởi kiện yêu cầu và đề nghị Tổng đội phải trả lại chồng bà số tiền trên, bà hoàn toàn nhất trí, vì số tiền đó là của riêng chồng bà, nhưng Tổng đội đã thu lại của chồng bà là sai. Còn cá nhân bà không có yêu cầu gì cho bản thân bà đối với số tiền đó, bà khẳng định số tiền đó là của riêng chồng bà được hưởng, bản thân bà không liên quan gì đến số tiền đó.

Đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C trình bày: Thực hiện chủ trương về việc sát nhập Tổng đội Thanh niên

X vào Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C, theo quyết định số 2953/QĐ.UBND ngày 11/7/2013 của UBND tỉnh Nghệ An. Vào năm 2015 Công ty C đã phối hợp với UBND huyện Th tiến hành giải phóng mặt bằng để Tổng đội bàn giao đất cho Công ty C. Sau khi thống nhất thỏa thuận phương án đền bù hoa màu (lâm sản) trên đất, thì Công ty C đã chi trả trực tiếp tiền đền bù hoa màu trên đất cho ông Lê Huy Nh theo thỏa thuận. Công ty không trả cho Tổng đội mà trả trực tiếp cho ông Lê Huy Nh, việc đền bù đã xong giữa Công ty C và ông Lê Huy Nh, hai bên cũng không có tranh chấp khiếu nại gì. Còn việc Tổng đội thu lại của ông Lê Huy Nh 50% số tiền trên, không liên quan gì đến Công ty C, việc ông Nh khởi kiện Tổng đội Thanh niên X là do hai bên tự giải quyết với nhau, còn Công ty C không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại bản án số 27/2017/DS-ST ngày 23/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Th, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 158, 166 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, xử :

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Huy Nh về việc kiện đòi Tổng đội thanh niên X, trả lại số tiền 159.567.000 đồng

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 27 tháng 8 năm 2017, ông Lê Huy Nh làm đơn kháng cáo với các nội dung: Cấp sơ thẩm căn cứ vào hợp đồng dân sự đã hết hiệu lực để làm cơ sở giải quyết vụ án là không đúng. Ông Nh kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Th, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê Huy Nh vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lê Huy Nh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hợp đồng số 03 vô hiệu, đề nghị xem xét tại thời điểm ký hợp đồng với ông Nh, Tổng đội Thanh niên X chưa được cơ quan có thẩm quyền giao đất. Buộc Tổng đội Thanh niên X phải trả lại số tiền 159.567.000 đồng cho ông Nh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An công nhận quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh tại Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An về tư cách pháp lý của Tổng đội thanh niên X, yêu cầu Công ty Đầu tư Phát triển C và Tổng đội làm lại thủ tục ủy quyền, xác minh tại cơ quan có thẩm quyền về địa vị pháp lý của Tổng đội, làm rõ Tổng đội có phải là tổ chức nhà nước hay không? Việc ký kết hợp đồng

giao khoán giữa Tổng đội và các hộ dân có chịu sự điều chỉnh của Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ hay không?

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát và các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt đại diện của Công ty Đầu tư Phát triển C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập tham gia phiên tòa đến đương sự, đại diện Công ty Đầu tư Phát triển C có đơn xin xử vắng mặt, nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử. Xét thấy, việc vắng mặt của đại diện Công ty Đầu tư Phát triển C không làm ảnh hưởng đến kết quả xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Ngày 17/7/2002 Tổng đội thanh niên X và ông Lê Huy Nh có ký Hợp đồng kinh tế số 03/HĐ-TĐ “V/v trồng rừng mét” số 03 với nội dung: Ông Lê Huy Nh được nhận 8,1ha rừng tại tiểu khu 974, khoảnh 1, lô 2 để trồng mét theo dự án trồng rừng 661 của Chính phủ. Hợp đồng thống nhất khi được cơ quan có thẩm quyền thực hiện khai thác, mỗi bên được hưởng 50% giá trị lâm sản, thời hạn của hợp đồng là 20 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

[3] Năm 2013, thực hiện Quyết định của UBND tỉnh Nghệ An về việc chuyển giao Tổng đội Thanh niên vào Công ty C. Công ty C tiến hành giải phóng mặt bằng và đã bồi thường giá trị các cây cho gia đình ông Nh đã trồng với tổng số tiền là 319.135.000 đồng. Sau đó, Tổng đội Thanh niên đã thu lại 50% số tiền ông Q được bồi thường tương đương 159.567.000 đồng.

[4] Xét kháng cáo của ông Lê Huy Nh Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về chủ thể khi ký kết hợp đồng thì khi ký kết hợp đồng nêu trên thì Tổng đội Thanh niên đã có đủ tư cách pháp nhân để ký hợp đồng, ông Nh cũng đủ tư cách pháp lý ký kết hợp đồng theo quy định của pháp luật. Về bản chất của hợp đồng là khoán việc trong việc trồng cây theo đúng quy trình kỹ thuật mà bên tổng đội yêu cầu, bên nhận khoán việc phải thực hiện công việc và được hưởng thù lao theo hợp đồng, Hợp đồng không bàn giao diện tích đất mà chỉ giao khoán công việc trên diện tích đất cụ thể. Ngày 16 tháng 5 năm 2003, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 351/QĐ-UB.ĐC về việc công nhận quyền quản lý và sử dụng 15.068,80 ha của Tổng đội Thanh niên X tại huyện Th, tỉnh Nghệ An nên xác định Tổng đội Thanh niên là chủ rừng là đúng pháp luật.

[5] Mặc dù tại thời điểm ký kết hợp đồng, Tổng đội Thanh niên chưa được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao quyền quản lý, sử dụng đất, nhưng việc tổ chức trồng rừng theo dự án là đúng quy định của pháp luật, nên việc Tổng đội Thanh niên ký kết hợp đồng với các hộ dân là đúng quy định và các hộ dân cũng thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối, các nội dung trong hợp đồng không trái pháp luật. Sau khi ký kết hợp đồng, gia đình ông Nh đã tiến hành trồng lâm sản theo các hợp đồng được ký kết, không có khiếu nại hay tranh chấp với ai nên hoàn toàn hợp pháp.

[6] Hơn nữa, đến thời điểm ông Nh ký biên bản bàn giao diện tích đất nhận khoán và biên bản thỏa thuận nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng và bàn giao diện tích đất nhận khoán cho Công ty Cổ phần đầu tư phát triển C chưa hợp đồng nào thay thế hợp đồng số 03/HĐ-TĐ ngày 17/7/2002 mà ông Nh đã ký với Tổng đội TNXP2-XDKT Nghệ An. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo tuyên hợp đồng số 03 /HĐ-TĐ ngày 17/7/2002 vô hiệu của ông Nh.

[7] Đối với yêu cầu của ông Lê Huy Nh đề nghị Tổng đội Thanh niên X trả lại số tiền 159.567.000 đồng mà Tổng đội đã thu lại và cho rằng theo quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, quy định “ Một số vấn đề chính sách phát triển rừng sản xuất giai đoạn 2007 - 2015 ”, ông Lê Huy Nh là người được hưởng lợi toàn bộ sản phẩm lâm sản đã trồng trên phần đất mà ông đã ký hợp đồng trồng rừng mét với Tổng đội, cho nên khi Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển C chi trả bồi thường phần lâm sản trên đất, ông phải là người được hưởng lợi.

[8] Theo quy định tại Điều 4, Điều 5 và Điều 6 Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ quy định, người được hưởng lợi phải là hộ gia đình, cá nhân có đất rừng được nhà nước giao đất hoặc cho thuê và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*chủ rừng*), mới là người được hưởng lợi toàn bộ lâm sản trên đất. Trong trường hợp này Tổng đội Thanh niên X mới là chủ rừng được nhà nước giao đất theo Quyết định số 351/QĐ-UB.ĐC ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh Nghệ An. Tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nguyên đơn, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cũng thừa nhận diện tích đất mà ông Lê Huy Nh ký hợp đồng trồng rừng là của Tổng đội Thanh niên X, đất đó không phải là của ông Lê Huy Nh, như vậy Tổng đội Thanh niên X mới là chủ rừng, hơn nữa khi ký kết hợp đồng các bên đã thỏa thuận là khi khai thác mỗi bên được hưởng 50% giá trị lâm sản. Như vậy Tổng đội thu lại 50% số tiền mà Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển C chi trả cho ông Nh khi bồi thường giá

trị lâm sản trên diện tích 8,1 ha đất rừng trồng mét là đúng với thỏa thuận mà hai bên đã ký kết năm 2002.

[9] Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm không chấp nhận trả lại số tiền : 159.567.000 đồng mà Tổng đội đã thu lại ngày 14/4/2014 của ông Lê Huy Nh tương ứng 50% số tiền trên tổng số tiền mà Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển C đã chi trả cho ông Lê Huy Nh đối với diện tích trồng mét theo hợp đồng đã ký năm 2002. Và cho rằng số tiền này là số tiền 50% trị giá lâm sản trên diện tích đất mà ông Lê Huy Nh đã ký hợp đồng trồng rừng với Tổng đội năm 2002 và khi ký hợp đồng trồng rừng tại Điều 7 của hợp đồng, hai bên đã thỏa thuận thống nhất khi khai thác mỗi bên được hưởng 50% giá trị lâm sản, đây là sự thỏa thuận của hai bên, Tổng đội là chủ rừng (được nhà nước giao đất) đã hợp đồng với ông Lê Huy Nh trồng rừng mét là hoàn toàn tự nguyện. Trường hợp này cũng không thuộc đối tượng điều chỉnh của quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ và quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10/9/2007 của Thủ tướng Chính phủ, để nói rằng ông Nh được hưởng lợi theo chính sách của quyết định này.

[10] Như vậy, việc Tổng đội Thanh niên X ký kết hợp đồng với hộ ông Nh là đúng quy định và ông Nh cũng thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không ai bị ép buộc, lừa dối, các nội dung trong hợp đồng không trái pháp luật. Căn cứ vào Điều 7 của hợp đồng số 03 ngày 17/7/2002 giữa ông Nguyễn Cảnh H, bà Lê Thị Đ và Tổng đội Thanh niên X thì hai bên đã cam kết khi khai thác thì đơn vị và hộ nhận khoán tổ chức đánh giá giá trị lâm sản và được phân bổ như sau: Đơn vị (Bên A) được hưởng 50% giá trị lâm sản, hộ nhận khoán được hưởng 50% giá trị lâm sản. Sau khi ký kết hợp đồng, gia đình ông Hồng đã tiến hành trồng lâm sản theo hợp đồng được ký kết, không có khiếu nại hay tranh chấp với ai nên hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy, căn cứ vào hợp đồng đã ký gia đình ông Hồng phải có trách nhiệm nộp lại cho Tổng đội Thanh niên X số tiền 159.567.000 đồng tương đương 50% giá trị lâm sản được bồi thường là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

[11] Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng với quy định Bộ luật dân sự. Cần giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[12] Về các ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại Công văn số 2536 ngày 04/4/2017 của BCH Đoàn tỉnh Nghệ An và tại phiên tòa đại diện của tổng đội cung cấp như sau: Hiện nay, Tổng đội Thanh niên X đang thực hiện QĐ số 2953/QĐ - UBND ngày 11/7/2013 về việc chuyển giao tổng đội vào Công ty C, tổng đội đang hoạt động bình thường và Ban Thường vụ tỉnh đoàn chưa ban hành quyết định giải thể, đủ căn cứ để xác định tư cách pháp lý của Tổng đội thanh niên X.

[13] Về thủ tục ủy quyền, theo quy định của pháp luật thì việc tham gia tố tụng của pháp nhân được thực hiện thông qua người đại diện theo pháp luật. Quá trình tố tụng, người đại diện theo pháp luật của Công ty C là ông Phạm Trung Th (Chủ tịch Hội đồng quản trị) đã ủy quyền cho ông Trần Ngọc Th (Tổng Giám đốc), người đại diện theo pháp luật của Tổng đội Thanh niên là ông Nguyễn Văn B (Tổng đội trưởng) tham gia giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[14] Về việc làm rõ Hợp đồng có sự điều chỉnh của Quyết định 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 hay không, như đã phân tích ở trên, các hợp đồng được ký kết và thực hiện hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên theo các thỏa thuận được ghi nhận, các bên khởi kiện và được Tòa án xem xét theo quy định của pháp luật. Xét thấy, căn cứ vào các hồ sơ, tài liệu thì các ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã được làm rõ nên không cần phải xác minh thêm.

[15] Về áp dụng điều luật giải quyết vụ án: Các bên tiến hành giao dịch, xác lập quan hệ hợp đồng năm 2002, kết thúc hợp đồng năm 2014, năm 2016 mới khởi kiện đòi lại tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điều luật của Bộ luật dân sự năm 2015 để xét xử là chưa chính xác, mà cần áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết, xét xử; Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[16] Về án phí: Kháng cáo của ông Lê Huy Nh không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm dân sự theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Lê Huy Nh. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 163, 169, 170, 233, 234, 255 Bộ luật dân sự năm 2005. Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Huy Nh về việc kiện đòi Tổng đội Thanh niên X trả lại số tiền 159.567.000 (Một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm sáu mươi bảy ngàn) đồng.

- Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Lê Huy Nh phải chịu 7.978.350 (Bảy triệu, chín trăm bảy mươi tám ngàn, ba trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 3.989.350 (Ba triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm năm mươi) đồng tiền tạm ứng phí đã nộp theo biên lai số 0001008 ngày

05/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An. Ông Lê Huy Nh còn phải nộp tiếp 3.989.350 (Ba triệu, chín trăm tám mươi chín ngàn, ba trăm năm mươi) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Về án phí Dân sự phúc thẩm: Ông Lê Huy Nh phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Th, tỉnh Nghệ An theo biên lai số 0001973 ngày 11 tháng 9 năm 2017.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Th;
- Chi Cục THADS Th;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Phần

Nguyễn Hữu Hà

Thái Thị Hồng Vân

